TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 25/4/2023
"V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Vững
Ông Hoàng Ngọc Hân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị P Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu C, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đồng bị đơn: Ông Hoàng V B, sinh năm 1960 (vắng mặt lần thứ 2).
Bà Đinh Thị P, sinh năm 1961 (vắng mặt lần thứ 2).
Cùng địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 330 đường N, xã T, TP V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu C - Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cù Xuân D - Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Quyết định ủy quyền số 490/QĐ-CTHADS.NV ngày 21/4/2023, yêu cầu xét xử vắng mặt).

2, Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt lần thứ 2).
Địa chỉ: Xã T, huyện U, thành phố Hà Nội.

3, Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1987 (vắng mặt lần thứ 2).
Địa chỉ: Huyện H, thành phố Hà Nội.

4, Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1993 (vắng mặt lần thứ 2).
Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

5, Anh Hoàng Đức L, sinh năm 2000 (vắng mặt lần thứ 2).
Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 05/4/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm theo Bản án số 25/2013/DS-PT buộc vợ chồng ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 847.500.000 đồng (trong đó bà P phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 734.500.000 đồng, ông B và bà P phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 113.000.000 đồng) khi vay tiền vợ chồng ông B, bà P có thế chấp bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên chủ hộ Hoàng V B. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành, bà đã làm đơn đề nghị thi hành án thì được biết vợ chồng ông B, bà P đã bán đất cho bà Trần Thị Minh Tân ở khu Tân An 1, thị trấn YL. Sau đó bà đã làm đơn khởi kiện và được Tòa án hủy GCNQSDĐ cấp cho bà Tân. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xác định tài sản chung của vợ chồng ông B, bà P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác để Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ thi hành án trả tài sản cho bà theo Bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết, ngày 12/9/2016 Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ xác minh, kê biên tài sản của người phải thi hành án của ông B, bà P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm có những tài sản sau đây:

Diện tích đất 420 m^2 tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 theo GNCQSDĐ số bìa N696822 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000 đứng tên hộ ông Hoàng V B tại xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Phía bắc giáp đất ở hộ bà Nguyễn Thị Lan dài 20,2 m, phía Nam giáp đất ở bà Nguyễn Thị Thúy Đức, dài 20,86 m, phía Đông giáp đất nông nghiệp dài 24,2 m, phía Tây giáp đất đồi vườn hộ ông Hoàng V Chân dài 17,5 m. Lối cổng vào là đất công đi chung. Tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây hai tầng cùng các công trình phụ trợ, cây cối lâm lộc.

Mô tả tài sản cụ thể như sau:

- Tầng 1 gồm:

+ 01 (một) phòng khách, nền lát gạch men xanh, kích thước 40 x 40 cm, diện tích phòng khách là 24,4 m^2. Phòng khách có 02 cửa ra vào làm bằng khung nhôm kính đều có kích thước rộng 200 cm, cao 245 cm, mỗi cửa có 04 cánh, có 01 cửa sổ bằng khung nhôm kính có 02 cánh, song sắt, kích thước rộng 100 cm, cao 215 cm.

+ 01 phòng ngủ có diện tích 10,7 m^2, nền lát gạch men màu xanh kích thước 40 x 40 cm, có 01 cửa nhôm kính có 01 cánh kích thước rộng 80 cm, cao 215 cm. Có 01 cửa sổ chớp làm bằng nhôm kính rộng 100 cm, cao 170 cm.

+ 01 bếp xây 02 gian nền láng xi măng đã cũ, mái lợp proximăng có diện tích 19,7 m^2. Có 01 cửa ra vào làm bằng gỗ tạp 01 cánh có kích thước cao 200 cm, rộng 70 cm. Trên nóc có 01 téc nước có thể tích 01 m^3.

- Tầng 2 gồm:

+ 01 (một) phòng khách (dùng để đồ), diện tích là 14,07 m^2. Phòng khách có 03 cửa ra vào làm bằng khung nhôm kính, mỗi cửa có 02 cánh, kích thước 125 cm x 240 cm, 01 cửa ra vào gác xép (làm phòng ngủ) làm bằng khung nhôm kính có 01 cánh kích thước 75 cm x 200 cm. Có 01 cửa sổ khung nhôm kính, song sắt, có 02 cánh, kích thước 100 cm x 160 cm.

+ 01 gác xép (dùng làm phòng ngủ) có diện tích 9,66 m^2, có 01 cửa ra vào làm bằng khung nhôm kính có 02 cánh, kích thước 100 cm x 200 cm. Trong gác xép có lan can tay vịn bằng sắt, kích thước cao 53 cm x dài 660 cm.

Toàn bộ nền tầng 2 lát gạch men H loại 40 x 40 cm. Mái lợp proximăng, tường nhà xây gạch 20 cm, quét ve vàng đã cũ.

- Gian thờ nằm bên ngoài sân, có diện tích 20,5 m^2. Có 01 cửa ra vào làm bằng khung nhôm kính có kích thước 210 cm x 200 cm. Nền lát gạch men màu hồng kích thước 40 cm x 40 cm. Có 02 cửa sổ lùa làm bằng khung nhôm kính đều có kích thước 57 cm x 98 cm. Tường xây gạch chỉ, quét ve màu vàng, lợp mái đỏ. Nhà có hệ thống điện nước đầy đủ, hệ thống điện đi ngoài tường, đang sử dụng B thường.

- Sân có tổng diện tích 115 m^2 nền láng xi măng, sân sau có 01 giếng đào đường kính 90 cm, độ sâu không xác định. Sân cạnh lợp mái tôn có diện tích 55,6 m^2. Có 01 lối cầu thang lên đồi, bậc và tay vịn làm bằng xi măng dài 9 m, cao 1,3 m.

- Cổng nhà làm bằng sắt có 02 cánh rộng 280 cm, cao 200 cm. Lối từ cổng lên sân dài 4 m, rộng 2,8 m láng xi măng.

- Cây cối lâm lộc: 01 cây sấu có chu vi gốc 123 cm, 01 cây khế có chu vi gốc 75 cm, 01 cây nhãn có chu vi 58 cm, 02 cây xoài có chu vi gốc khoảng 31 cm.

Ngày 08/10/2019 Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ xác minh, kê biên (bổ sung) tài sản của người được thi hành án của ông B, bà P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm có những tài sản sau đây:

- Phần mái phẳng có diện tích 35 m^2 (4,375 m x 8m).

- Phần mái vòm có diện tích 80 m^2 (10 m x 8m).

Do vậy, để đảm bảo thi hành Bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử phân chia tài sản chung của ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P và các thành viên khác cùng hộ gia đình theo quy định pháp luật.

Ngày 01/7/2021 Công an xã Đ có công V số 29/CAX về việc trả lời xác minh thành viên hộ gia đình ông Hoàng V B gồm có: ông Hoàng V B là chủ hộ, bà Đinh Thị P là vợ, các con đẻ là: chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị Thanh H, anh Hoàng Đức L.

Ngày 27/12/2018 Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ có công V số 359/TB-CTHADS.NV về việc xác định, phân chia sở hữu tài sản chung đối với ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P và các thành viên khác cùng hộ gia đình trong thời hạn 30 ngày. Hết thời hạn đó gia đình ông B, bà P vẫn không thỏa thuận phân chia tài sản thuộc sở hữu chung.

Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ cũng không thể xử lý, xác định phần sở hữu tài sản chung của ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P và các thành viên khác cùng hộ gia đình theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YLphát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã chấp hành, đồng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 166, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ vào khoản 29 Điều 3, các Điều 166, 167 của Luật đất đai; Căn cứ Điều 210, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 diện tích 420 m^2 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000 đứng tên hộ ông Hoàng V B thuộc sở hữu chung của ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P và 03 người con là chị Hoàng Thị N, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Thanh H. Mỗi người được sở hữu, sử dụng 1/5 thửa đất, giá trị tại thời điểm thẩm định giá = 201.204.000 đồng.

- Tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng V B và bà Đinh Thị P. Mỗi người được sở hữu, sử dụng 1/2 khối tài sản chung, giá trị tại thời điểm thẩm định giá = 211.792.000 đồng (làm tròn).

2. Về án phí: Buộc ông Hoàng V B phải chịu 20.520.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm; bà Đinh Thị P phải chịu 20.520.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N, chị V, chị H mỗi người phải chịu 10.060.000 đồng (làm tròn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn 21.188.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện YL.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 16.851.000đ (trong đó: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất là 7.950.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất là 8.901.000 đồng). Nguyên đơn bà Hoàng Thị T đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, nên buộc:

+ Ông B, bà P, chị N, chị V, chị H, mỗi người phải thanh toán cho bà T 1.590.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất.

+ Ông B, bà P mỗi người phải thanh toán cho bà T 4.450.000 đồng (làm tròn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Hoàng Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác trong khối tài sản chung là bất động sản gồm: Diện tích đất 420 m^2 tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 theo GNCQSDĐ số bìa N696822 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000 đứng tên hộ ông Hoàng V B tại xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ và tài sản khác là cây cối lâm lộc trên đất theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2022. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* được quy định tại khoản 12 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo kết quả việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các V bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt quy định của BLTTDS, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại các Điều 6, 70, 72, 73 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của BLTTDS.

[3] Trong quá trình thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P trong khối tài sản chung hợp nhất của gia đình để thi hành án. Chấp hành viên đã có thông báo số 359/TB-CTHADS.NV, ngày 27/12/2018 về việc xác định, phân chia sở hữu tài sản chung cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết, để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên đã thông báo cho người được thi hành án là bà Hoàng Thị T có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự đối với thửa đất và tài sản trên đất là phù hợp quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về nguồn gốc sử dụng đất: Đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 theo GNCQSDĐ số bìa N696822 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000, diện tích đất

420 m^2 đứng tên hộ ông Hoàng V B tại khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ và tài sản khác là cây cối lâm lộc trên đất. Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 198/2018/HC-PT, ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại mục [1.5] đã xác định *"GCNQSDĐ số N696822 cấp cho hộ ông B là tài sản chung của toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình ông B gồm: Ông B, bà P và 03 con"*. Như vậy cần xác định tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng V B ngày 11/4/2000 thì anh Hoàng Đức L, sinh ngày 17/12/2000 là con chung của ông B, bà P chưa được sinh ra. Từ đó cần xác định tài sản mà nguyên đơn đề nghị liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là thửa đất 420 m^2 (trong đó có 400 m^2 đất thổ cư và 20m^2 đất vườn) được chia làm 5 phần bằng nhau cho các thành viên của hộ gia đình tại thời điểm được cấp đất là ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị Thanh H. Vì thửa đất sau khi thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2023 đã xác định thửa đất nêu trên không đủ điều kiện để chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho các thành viên trong hộ gia đình. Do vậy cần được chia bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm định giá, mỗi người thành viên trong hộ gia đình được 1/5 phần.

[4.2] Đối với tài sản trên đất là 01 nhà xây hai tầng cùng các công trình phụ trợ, cây cối lâm lộc theo biên bản xác minh, kê biên tài sản ngày 12/9/2016 và biên bản xác minh, kê biên (bổ sung) ngày 08/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện YLđã xác định về tài sản trên đất và kết cấu công trình về cơ bản không có sự thay đổi so với chứng thư thẩm định giá số 138/BCV-HN/CT, ngày 12/5/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp, tuy nhiên có một số thay đổi như sau: Đối với nhà 02 tầng có thay đổi về phần mái tầng 2 nay lợp mái tôn. Hiện trạng thay đổi tường đã trát lại chưa sơn, hệ thống thoát nước mái bằng ống nhựa PVC đường kính 110mm. Đối với bếp có thay đổi về phần mái bằng đổ mái bằng bê tông cốt thép diện tích 19,7 m^2, phần nền lát gạch men 400 x 400 mm. Đối với sân chính có thay đổi bằng lát gạch men 60 x 60 cm, diện tích 1,5 m^2.

[4.3] Tài sản có thay đổi tăng lên về loại tài sản và giá trị so với các lần kê biên tài sản trước đây của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, nhưng vì đây là tài sản phát sinh và gắn liền không thể tách rời với tài sản đã kê biên nên được xem xét giải quyết khi định giá chung.

[4.4] Vì chứng thư thẩm định giá số 138/BCV-HN/CT, ngày 12/5/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá doanh nghiệp có giá trị pháp lý *"tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực"*quy định tại mục 7 Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC, ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính.

[4.5] Ngày 09/3/2023 Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định số 17/2023/QĐ-ĐG ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện YLđã đưa ra kết quả định giá đối với: Quyền sử dụng đất là 1.006.020.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất là 423.584.000 đồng. Tổng cộng 1.429.604.000 đồng.

[4.6] Vì tài sản chung là nhà, công trình phụ trợ khác, cây cối lâm lộc của ông B, bà P được tạo lập khoảng từ năm 2004 – 2005 (theo lời khai của ông Đặng V Trọng là người cùng khu T), theo biên bản xác minh với chính quyền địa P thì tại

thời điểm này các con của ông B, bà P còn nhỏ và đang đi học. Do vậy đối với tài sản trên đất được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà P. Do 2 vợ chồng ông B, bà P không hợp tác tự khai và đưa ra chứng cứ chứng minh cho công sức đóng góp của mỗi bên khác nhau nên được xác định là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất và là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà P theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 213 Bộ Luật dân sự. Công sức đóng góp của ông B và bà P là Nng nhau, mỗi bên được ½ giá trị tài sản tại thời điểm định giá.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện YLlà phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông B, bà P, chị N, chị V, chị H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản mà các bên được phân chia, được hưởng trong khối tài sản chung. Vì họ không có đơn xin miễn nộp án phí đối với người dân tộc thiểu số cư trú vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định pháp luật, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà T được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng là 16.851.000đ (trong đó: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất là 7.950.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất là 8.901.000 đồng). Nguyên đơn bà Hoàng Thị T đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên. Do vậy cần buộc:

+ Ông B, bà P, chị N, chị V, chị H, mỗi người phải thanh toán cho bà T 1.590.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất.

+ Ông B, bà P mỗi người phải thanh toán cho bà T 4.450.000 đồng (làm tròn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, khoản 1,2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1,2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào các Điều 210, 212, 213, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 29 Điều 3, các Điều 166, 167 của Luật đất đai;

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

Quyền sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 theo GNCQSDĐ số bìa N696822 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000, diện tích đất 420 m^2 tại khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ đứng tên hộ ông Hoàng V B thuộc sở hữu chung hợp nhất gồm: ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị Thanh H, mỗi người được sở hữu 1/5 phần giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm định giá là 201.204.000đ (Hai trăm linh một triệu, hai trăm linh bốn nghìn đồng).

Quyền sở hữu cây cối lâm lộc và tài sản gắn liền với đất (tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 9 theo GNCQSDĐ số bìa N696822 do UBND huyện YLcấp ngày 11/4/2000, diện tích đất 420 m^2 đứng tên hộ ông Hoàng V B tại khu T, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ) thuộc quyền sở hữu chung của ông Hoàng V B và bà Đinh Thị P, mỗi người được sở hữu 1/2 phần giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 211.792.000đ (Hai trăm mười một triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hoàng V B, bà Đinh Thị P mỗi người phải nộp 20.520.000đ (Hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị Thanh H mỗi người phải nộp 10.060.000đ (Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 21.188.000đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0008443 ngày 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Chi phí tố tụng: Xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, tổng là 16.851.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn đồng). Bà Hoàng Thị T đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, nên buộc:

+ Ông B, bà P, chị N, chị V, chị H, mỗi người phải thanh toán cho bà T 1.590.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất.

+ Ông B, bà P mỗi người phải thanh toán cho bà T 4.450.500đ, làm tròn là 4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả (kể cả tiền chi phí tố tụng) tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các bên đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh